

NHÓM 1:**Lào Cai: Đỗ Anh Tuấn, Đào Hải Nam.****Hà Giang: Trần Thị Ngọc, Đỗ Thị Thu Hường.****Sơn La: Đào Thị Phương, Cầm Huyền Anh****Điện Biên: Vi Thị Loan, Trần Thế Dũng.****1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN LỚP 10**

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Hệ thức lượng trong tam giác. Vectơ (08 tiết)	Hệ thức lượng trong tam giác. Định lí côsin. Định lí sin. Công thức tính diện tích tam giác. Giải tam giác (4 tiết)	1-3		4-6	TL1					17%
		Tích của một số với một vecto và tích vô hướng (4 tiết)			7-10		11	TL3	0	0	15%
2	Hàm số và đồ thị (15 tiết)	Khái niệm cơ bản về hàm số và đồ thị (5 tiết)	12-16		17-19	TL2	20	TL4			28%
		Hàm số bậc hai, đồ thị hàm số bậc hai và ứng dụng (2 tiết)	21-24		25-26					TL6	17%
		Dấu của tam thức bậc hai. Bất phương trình bậc hai một ẩn (6 tiết)	27-29		30-32		33	TL5			19%
		Phương trình quy về phương trình bậc hai (2 tiết)					34-35				4%
Tổng			15	0	15	2	5	3	0	1	
Tỉ lệ %			30%		40%		25%		5%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN - LỚP 10

STT	Chương/chủ đề	Nội dung	Mức độ kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Hệ thức lượng trong tam giác. Vectơ (08 tiết)	Hệ thức lượng trong tam giác. Định lí cosin. Định lí sin. Công thức tính diện tích tam giác. Giải tam giác (4 tiết)	Nhận biết : - Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ 0° đến 180°. Thông hiểu: - Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ 0° đến 180° bằng máy tính cầm tay. - Giải thích được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau. - Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lí cosin, định lí sin, công thức tính diện tích tam giác. Vận dụng: - Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...). Vận dụng cao: - Vận dụng được cách giải tam giác vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).	Câu 1 Câu 2 Câu 3	Câu 4 Câu 5 Câu 6 Câu 1 (TL)		
		Tích của một số với một vectơ và tích vô hướng (4 tiết)	Thông hiểu: - Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tổng và hiệu hai vectơ, tích của một số với vectơ, tích vô hướng của hai vectơ) - Mô tả được những tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ. Vận dụng: - Sử dụng được vectơ và các phép toán trên		Câu 7 Câu 8 Câu 9 Câu 10	Câu 11 Câu 3 (TL)	

			vectơ để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...). – Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...). Vận dụng cao: – Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).				
2	Hàm số và đồ thị (15 tiết)	<i>Khái niệm cơ bản về hàm số và đồ thị (5 tiết)</i>	Nhận biết : – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. Thông hiểu: – Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số. – Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. Vận dụng: – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi x đối với một gói cước điện thoại,...). Vận dụng cao: – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).	Câu 12 Câu 13 Câu 14 Câu 15 Câu 16	Câu 17 Câu 18 Câu 19 Câu 2 (TL)	Câu 20 Câu 4 (TL)	
		<i>Hàm số bậc hai, đồ thị hàm số bậc hai và ứng dụng (2</i>	Nhận biết : – Nhận biết được các tính chất cơ bản của Parabola như đỉnh, trục đối xứng. – Nhận biết và giải thích được các tính chất				

		tiết)	của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. Thông hiểu: – Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc hai. – Giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. Vận dụng: – Vẽ được Parabola (<i>parabol</i>) là đồ thị hàm số bậc hai. – Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: xác định độ cao của cầu, cống có hình dạng Parabola,...). Vận dụng cao: – Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).	Câu 21 Câu 22 Câu 23 Câu 24	Câu 25 Câu 26		Câu 6 (TL)
		Dấu của tam thức bậc hai. Bất phương trình bậc hai một ẩn (6 tiết)	Thông hiểu: – Giải thích được định lí về dấu của tam thức bậc hai từ việc quan sát đồ thị của hàm bậc hai. Vận dụng: – Giải được bất phương trình bậc hai. – Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: xác định chiều cao tối đa để xe có thể qua hầm có hình dạng Parabola,...). Vận dụng cao: – Vận dụng được bất phương trình bậc hai một ẩn vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).	Câu 27 Câu 28 Câu 29	Câu 30 Câu 31 Câu 32	Câu 33 Câu 5 (TL)	
		Phương trình quy về phương trình bậc hai (2 tiết)	Vận dụng: – Giải được phương trình chứa căn thức có dạng: $\sqrt{ax^2 + bx + c} = \sqrt{dx^2 + ex + f};$			Câu 34 Câu 35	

			$\sqrt{ax^2+bx+c}=dx+e.$				
Tổng				15	17	8	1
Tỉ lệ %				30%	40%	25%	5%
Tỉ lệ chung				70%		30%	